

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010  
đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 5 ngày 26 tháng 05 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh nông lâm sản nguyên liệu (trừ lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh thực phẩm tươi sống và chế biến;
- Sản xuất bia rượu, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi;
- Dịch vụ tư vấn dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)/.

Trụ sở chính của Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội.

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Linh	Chủ tịch	Đến ngày 06/04/2010
Ông Vương Toàn	Chủ tịch	Từ ngày 06/04/2010
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên	Từ ngày 06/04/2010
Ông Đinh Lê Anh	Thành viên	Từ ngày 06/04/2010
Ông Trần Quý Công	Thành viên	Đến ngày 06/04/2010
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên	Từ ngày 06/04/2010

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Chung	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Vinh	Thành viên	Đến ngày 06/04/2010
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	Từ ngày 06/04/2010

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Nguyễn Văn Hùng**  
Giám đốc  
Hà Nội, Ngày 15 tháng 02 năm 2011

UỶ BAN  
KIỂM TOÁN  
T  
HÀ NỘI





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**  
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số : ... 61/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo Tài chính năm 2010*  
của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội được lập ngày 15/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**

Cao Thị Hồng Nga  
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến  
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.062.040.352</b>	<b>33.914.156.563</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>24.716.526.953</b>	<b>24.796.668.947</b>
1. Tiền	111		4.716.526.953	14.796.668.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.958.252.201</b>	<b>1.647.130.327</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.662.533.201	53.599.327
2. Trả trước cho người bán	132		233.725.000	1.556.931.000
3. Các khoản phải thu khác	135		61.994.000	36.600.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.592.414.234</b>	<b>539.983.192</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.2</b>	1.592.414.234	539.983.192
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.794.846.964</b>	<b>6.930.374.097</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.698.312.526	4.647.579.024
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.162.597.368
3. Thuế và các khoản khác phải thu	154	<b>V.3</b>	78.034.438	76.697.705
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.500.000	43.500.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.452.917.545</b>	<b>50.445.993.278</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.454.477.901</b>	<b>39.724.857.274</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.4</b>	31.453.901.005	10.865.218.802
- Nguyên giá	222		37.877.426.652	13.778.368.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.423.525.647)	(2.913.149.260)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.5</b>	576.896	23.015.327
- Nguyên giá	228		155.032.400	155.032.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.455.504)	(132.017.073)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	28.836.623.145
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.6</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.500.000.000	7.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.498.439.644</b>	<b>3.221.136.004</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.7</b>	13.498.439.644	3.221.136.004
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>84.514.957.897</b>	<b>84.360.149.841</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>17.207.541.455</b>	<b>21.098.567.007</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>17.119.529.915</b>	<b>21.055.544.250</b>
1. Phải trả người bán	312		547.486.099	7.820.612.200
2. Người mua trả tiền trước	313		718.282.009	399.135.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	2.319.289.538	3.567.026.876
4. Phải trả người lao động	315		1.509.836.419	395.332.982
5. Chi phí phải trả	316		126.984.793	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9	11.875.901.989	9.102.586.756
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		21.749.068	(229.149.814)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>88.011.540</b>	<b>43.022.757</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		88.011.540	43.022.757
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>67.307.416.442</b>	<b>63.261.582.834</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.10	<b>67.307.416.442</b>	<b>63.261.582.834</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.993.082.835	10.766.325.513
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.122.999.999	2.994.011.652
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.961.333.608	18.271.245.669
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>84.514.957.897</b>	<b>84.360.149.841</b>

Kế toán trưởng



Mai Phương Liên

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	325.247.354.595	298.878.622.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		325.247.354.595	298.878.622.024
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	281.361.246.293	257.518.626.053
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.886.108.302	41.359.995.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.110.365.492	1.010.705.121
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		26.856.837.111	18.910.252.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.232.825.003	1.940.735.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.906.811.680	21.519.713.049
11. Thu nhập khác	31		1.971.760.000	604.090.025
12. Chi phí khác	32		305.569	613.426
13. Lợi nhuận khác	40		1.971.454.431	603.476.599
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.878.266.111	22.123.189.648
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	4.584.932.503	3.851.943.978
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.293.333.608	18.271.245.670
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	4.577	5.851

Kế toán trưởng

Mai Phương Liên

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

2011  
ÔNG  
(NH)  
VỤ  
HÀNH  
KIỂM  
AM  
TP H





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.633.006.800)	(2.206.612.584)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(7.633.006.800)</i>	<i>(2.206.612.584)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(80.141.994)</b>	<b>7.585.970.203</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.796.668.947	17.210.698.744
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		24.716.526.953	24.796.668.947

Kế toán trưởng



Mai Phương Liên

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Năm 2010**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976 ngày 08 tháng 12 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 08 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0102111943 thay đổi lần 5 ngày 26 tháng 05 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, P.Ngọc Hà, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và vật tư thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm: bã bia;
- Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia;
- Kinh doanh nông lâm sản nguyên liệu (trừ lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh thực phẩm tươi sống và chế biến;
- Sản xuất bia rượu, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi;
- Dịch vụ tư vấn dự án đầu tư xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).

### **II. KỸ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính như sau

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	3 năm





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

20553  
CÔNG  
+NHỆM  
H VU T  
KINH K  
KIỂM K  
TAM V  
TP HC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	-	6.867.930.809	6.469.351.900	441.085.353	13.778.368.062
Số tăng trong năm	22.818.160.862	-	1.249.825.000	31.072.728	24.099.058.590
- Mua trong năm	-	-	1.249.825.000	31.072.728	1.280.897.728
- Đầu tư XDCB hoàn thành	22.818.160.862	-	-	-	22.818.160.862
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.818.160.862</b>	<b>6.867.930.809</b>	<b>7.719.176.900</b>	<b>472.158.081</b>	<b>37.877.426.652</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	1.177.176.640	1.500.118.318	235.854.302	2.913.149.260
Số tăng trong năm	912.726.444	1.373.586.252	1.138.885.181	85.178.510	3.510.376.387
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>912.726.444</b>	<b>2.550.762.892</b>	<b>2.639.003.499</b>	<b>321.032.812</b>	<b>6.423.525.647</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu đầu	-	5.690.754.169	4.969.233.582	205.231.051	10.865.218.802
Tại ngày cuối năm	21.905.434.418	4.317.167.917	5.080.173.401	151.125.269	31.453.901.005



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Phần mềm máy tính</b>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		155.032.400
Số tăng trong năm		-
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>155.032.400</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm		132.017.073
Số tăng trong năm		22.438.431
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>154.455.504</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm		<u>23.015.327</u>
Tại ngày cuối năm		<u>576.896</u>

**6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	<u>7.500.000.000</u>	<u>7.500.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<u>7.500.000.000</u>	<u>7.500.000.000</u>

Đây là khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng yên 89. Trụ sở tại Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội chiếm 25% vốn điều lệ.

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chưa phân bổ	6.233.162.094	3.221.136.004
Tiền thuê đất (*)	7.121.575.850	-
Chi phí khác	143.701.700	-
<b>Cộng</b>	<u>13.498.439.644</u>	<u>3.221.136.004</u>

(\*) Tiền thuê đất chưa phân bổ theo hợp đồng thuê đất số 28/HDTLD-HT ngày 31/07/2008 và Phụ lục số 01/PLHD-HT ngày 18/01/2010 thời gian thuê 46 năm.

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	335.316.525	-
Thuế nhập khẩu	-	1
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.983.973.013	3.567.026.875
<b>Cộng</b>	<u>2.319.289.538</u>	<u>3.567.026.876</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)****9. Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.731.600	65.037.196
Bảo hiểm xã hội	277.076	277.142
Phải trả tiền cược của khách hàng	10.759.300.000	8.573.300.000
Phải trả tiền bảo quản thùng của khách hàng	329.500.000	-
Cố tức phải trả	638.465.618	463.972.418
Các khoản phải trả, phải nộp khác	103.627.695	-
<b>Cộng</b>	<b>11.875.901.989</b>	<b>9.102.586.756</b>

**10. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>9.911.133.757</b>	<b>2.693.214.862</b>	<b>4.115.017.904</b>
Lãi trong năm trước				18.271.245.670
Phân phối lợi nhuận năm trước				
- Trích quỹ từ Lợi nhuận 2008		855.191.756	300.796.790	(1.155.988.546)
- Chia cố tức bổ sung 2008				(2.654.550.000)
- Thủ sao HĐQT, BKS năm 2008				(304.479.358)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>10.766.325.513</b>	<b>2.994.011.652</b>	<b>18.271.245.669</b>
Tăng vốn trong năm				
Lãi trong năm				14.293.333.608
Phân phối lợi nhuận năm trước				
- Trích quỹ từ lợi nhuận 2009		8.226.757.322	128.988.347	(9.923.745.669)
- Chia cố tức 2009				(7.807.500.000)
- Thương ban quản lý 2009				(360.000.000)
- Thủ lao HĐQT, BKS 2009				(180.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2010				
- Quỹ khen thưởng phúc lợi				(200.000.000)
- Thủ lao HĐQT, BKS				(132.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>18.993.082.835</b>	<b>3.122.999.999</b>	<b>13.961.333.608</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010	%	01/01/2010	%
	VND		VND	
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	60	18.738.000.000	60
Vốn góp của các đối tượng khác	12.492.000.000	40	12.492.000.000	40
<b>Cộng</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>100</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.230.000.000	31.230.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.230.000.000	31.230.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.807.500.000	2.206.612.584

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	320.892.856.469	297.251.405.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.354.498.126	1.627.216.045
<b>Cộng</b>	<b>325.247.354.595</b>	<b>298.878.622.024</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	281.361.246.293	257.518.626.053
<b>Cộng</b>	<b>281.361.246.293</b>	<b>257.518.626.053</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.790.365.492	686.705.121
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.320.000.000	324.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.110.365.492</b>	<b>1.010.705.121</b>

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.878.266.111	22.123.189.648
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(538.536.098)	(112.081.200)
- Các khoản điều chỉnh tăng	781.463.902	211.918.800
+ Chi phí không có chứng từ hợp lệ	781.158.333	20.000.000
+ Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính	305.569	613.426
+ Chi phí không được khấu trừ	-	191.305.374
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.320.000.000	324.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.320.000.000	324.000.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	18.339.730.013	22.011.108.448
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.584.932.503	5.502.777.112
Chi phí thuế TNDN được giảm 30%	-	1.650.833.134
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.584.932.503</b>	<b>3.851.943.978</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.293.333.608	18.271.245.670
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.293.333.608	18.271.245.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.123.000	3.123.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.577</b>	<b>5.851</b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.441.092.162	1.703.895.736
Chi phí nhân công	6.282.117.968	4.267.764.456
Chi phí công cụ dụng cụ	9.280.055.167	5.435.679.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.532.814.818	1.715.206.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.706.140.610	6.750.477.570
Chi phí bằng tiền khác	1.760.473.402	978.578.320
<b>Cộng</b>	<b>31.002.694.127</b>	<b>20.851.601.469</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Mua hàng	243.278.784.000
		Trả cổ tức	4.684.500.000
		Bán hàng	8.936.354
		Tài Trợ bằng tiền	1.964.400.000
Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Công ty liên kết	Mua hàng	25.239.560.000
		Thuê tài sản	1.195.650.000
		Bán hàng	21.435.368.667
		Vận chuyển	12.191.502.000
		Cổ tức	900.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( tiếp theo)**

Đến 31/12/2010, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, phải trả (VND)
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Ứng trước mua bia Phải thu tài trợ	118.225.000 569.740.000

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2009	01/01/2010 trình bày lại	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	21.284.694.064	21.055.544.250	(229.149.814)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(229.149.814)	(229.149.814)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	(229.149.814)	-	229.149.814
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(229.149.814)	-	229.149.814

Kế toán trưởng



Mai Phương Liên

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

